VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia

Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia[1].

[1] Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có căn cứ ban hành như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Chương trình) bao gồm:

a) Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia;

b) Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia khác.

2. Thông tư này không áp dụng cho các Chương trình được nêu tại Khoản 1 Điều này có thời hạn thực hiện đến năm 2015.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ, ngữ

Trong Thông tư này, các từ, ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình** (sau đây viết tắt là Nhiệm vụ của Chương trình) bao gồm đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ để thực hiện mục tiêu của Chương trình.

2. **Khung Chương trình** bao gồm mục tiêu Chương trình; nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình; dự kiến sản phẩm của Chương trình và chỉ tiêu đánh giá Chương trình.

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia."

3. **Bộ chủ trì Chương trình** (sau đây viết tắt là Bộ chủ trì) là Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao chủ trì Chương trình.

4. **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ của Chương trình** (sau đây viết tắt là Tổ chức chủ trì) là tổ chức được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện việc xây dựng, triển khai nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức quản lý Chương trình

1. Thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bảo đảm trách nhiệm quản lý Chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ chủ trì.

2. Bảo đảm để Chương trình triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, tiến độ đã được phê duyệt.

3. Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí và tuân thủ các quy định hiện hành.

Chương II
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 5. Bộ máy quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý các Chương trình.

2. Bộ chủ trì tổ chức triển khai Chương trình.

3. Ban chỉ đạo Chương trình (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo) do Thủ tướng Chính phủ hoặc ủy quyền Bộ trưởng Bộ chủ trì thành lập gồm đại diện Lãnh đạo Chính phủ (nếu có) và đại diện Lãnh đạo một số Bộ, ngành liên quan, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Chương trình.

4. Ban Chủ nhiệm Chương trình (sau đây viết tắt là Ban Chủ nhiệm) giúp Bộ chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình. Ban Chủ nhiệm được bảo đảm các điều kiện về kinh phí, phương tiện làm việc, các chế độ khác theo quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu tổ chức, triển khai Chương trình, Bộ trưởng Bộ chủ trì thành lập Ban Chủ nhiệm.

5. Đơn vị quản lý Chương trình là các cơ quan, đơn vị giúp Bộ chủ trì triển khai tổ chức quản lý Chương trình, bao gồm:

a) Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý nhiệm vụ) là các đơn vị đầu mối được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình, giúp Bộ chủ trì tổ chức triển khai Chương trình, nhiệm vụ của Chương trình theo đúng mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình;

b) Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình (sau đây viết tắt là đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị dự toán cấp III giúp Bộ chủ trì quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình.

Điều 6. Nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thống nhất quản lý Chương trình, thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì tổ chức xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình;

c) Rà soát, điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh hệ thống các Chương trình đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

d) Phê duyệt Khung chương trình; đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng dự toán, phương án cân đối, phân bổ và giao kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm dành cho khoa học và công nghệ để thực hiện Chương trình trong tổng hạn mức kinh phí dự kiến dành cho Bộ, ngành, địa phương tương ứng; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan điều phối các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình;

e) Phân bổ hạn mức kinh phí cho Chương trình;

g) Thẩm tra hồ sơ nhiệm vụ của Chương trình để Bộ chủ trì xem xét, quyết định phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

h) Thẩm định và phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với Chương trình được Thủ tướng Chính phủ quy định;

i) Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, thanh tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

k) Quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện của Chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ của Bộ chủ trì quy định tại Điều 7 Thông tư này đối với những nhiệm vụ của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện.

Điều 7. Nhiệm vụ của Bộ chủ trì

1. Bộ chủ trì có các nhiệm vụ sau:

a) Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo theo phân công của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình trong phạm vi quản lý của Bộ chủ trì;

b) Xây dựng Khung Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

c) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp thực hiện;

d) Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ;

đ) Phê duyệt nhiệm vụ sau khi có ý kiến thẩm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ về nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình;

e) Ký hợp đồng, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình do Bộ chủ trì quản lý;

g) Tổng hợp kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm nhiệm vụ của Chương trình do Bộ chủ trì quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp để bố trí vào kế hoạch và dự toán ngân sách chung về khoa học và công nghệ;

h) Báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo định kỳ hàng năm, đột xuất, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình do Bộ chủ trì quản lý;

i) Kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, đề xuất nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện của Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

k) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình; thực hiện các cơ chế, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tạo điều kiện thuận lợi triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình;

l) Các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ của Chương trình.

2. Bộ chủ trì có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình, kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm thực hiện nhiệm vụ của Chương trình và các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo đúng quy định để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và phân bổ hạn mức kinh phí cho Chương trình.

3. Bộ chủ trì phân công các Đơn vị quản lý Chương trình, Ban chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm

1. Ban chủ nhiệm có nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ xây dựng Khung Chương trình; báo cáo Bộ chủ trì xem xét, trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Phối hợp với các Đơn vị quản lý Chương trình để thực hiện xác định nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và nghiệm thu, đánh giá công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Chủ trì, phối hợp với các Đơn vị quản lý Chương trình theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình để đạt được các mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình và đề xuất những điều chỉnh cần thiết để đạt được mục tiêu của Chương trình;

d) Phối hợp với các Đơn vị quản lý Chương trình xây dựng báo cáo (định kỳ hàng năm, đột xuất theo yêu cầu; sơ kết; tổng kết) kết quả thực hiện của Chương trình gửi Bộ chủ trì;

đ) Phối hợp với các Đơn vị quản lý Chương trình đề xuất khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích; đề nghị xử lý hành vi vi phạm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;

e) Phối hợp với các Đơn vị quản lý Chương trình tổ chức đánh giá, tổng kết kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình;

2. Ban chủ nhiệm hoạt động theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng Bộ chủ trì ban hành.

3. Đối với chương trình không có Ban chủ nhiệm, Đơn vị quản lý Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì

1. Tổ chức triển khai các nội dung đã được phê duyệt để thực hiện mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra.

4. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ chủ trì về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hàng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết) và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền.

Chương III
TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Đề xuất, xác định và phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình

1. Việc đề xuất, xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia tương ứng.

2. Đơn vị quản lý Chương trình chủ trì, phối hợp với Ban chủ nhiệm tổ chức rà soát, xác định các nhiệm vụ thông qua các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Bộ chủ trì quyết định thành lập.

3. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Bộ chủ trì tổng hợp, phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để phối hợp thực hiện.

4. Bộ Chủ trì thông báo bằng văn bản kết quả xác định nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình cho các Bộ, ngành và địa phương đề xuất đặt hàng; công bố công khai Danh mục đặt hàng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

Điều 11. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 (sau đây gọi chung là Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN) và các văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia tương ứng.

2. Đơn vị quản lý Chương trình chủ trì, phối hợp với Ban chủ nhiệm rà soát hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, trình Bộ chủ trì thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình (sau đây viết tắt là Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp).

3. Đơn vị quản lý Chương trình chủ trì, phối hợp với Ban chủ nhiệm tổ chức các phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo các quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

4. Việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

5. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, tổ thẩm định kinh phí, chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có) và đề nghị của Đơn vị quản lý Chương trình, Bộ chủ trì thông báo và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chuẩn bị hồ sơ gửi Bộ Chủ trì.

6. Bộ chủ trì tổng hợp, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, thẩm tra về sự cần thiết, mục tiêu thực hiện nhiệm vụ, quy trình xét duyệt nhiệm vụ và kinh phí.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm tra bằng văn bản để Bộ chủ trì xem xét, phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

7. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ chủ trì phê duyệt nội dung và kinh phí của nhiệm vụ thuộc Chương trình trừ các Chương trình Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Điều 12. Tổ chức ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

1[2]. Căn cứ theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của Chương trình, Bộ chủ trì tổ chức ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì theo Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Đối với những nhiệm vụ của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí thực hiện ký hợp đồng với Tổ chức chủ trì.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sử dụng hiệu quả kinh phí được cấp theo Hợp đồng.

Điều 13. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì gửi kiến nghị bằng văn bản về Bộ chủ trì đề xuất và giải trình việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ, kinh phí đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Bộ chủ trì phê duyệt việc điều chỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với nội dung phải có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi phê duyệt.

Điều 14. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

1. Bộ chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nhiệm vụ của Chương trình đang được thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá.

Điều 15. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ vào quyết định chấm dứt hợp đồng, các bên thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản của hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật.

Điều 16. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

Bộ chủ trì tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận và công bố công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại Thông tư

số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 17. Thanh lý hợp đồng và khai thác kết quả nhiệm vụ của Chương trình

1[3]. Bộ chủ trì tổ chức việc thanh lý hợp đồng với Tổ chức chủ trì theo quy định.

Đối với những nhiệm vụ của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí thực hiện thanh lý hợp đồng.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật. Quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ.

3. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 18. Xử lý tài sản

Việc xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 19. Kinh phí thực hiện Chương trình

Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình được cân đối trong dự toán chi ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm, được giao về Bộ chủ trì để thực hiện.

Cơ chế tài chính thực hiện Chương trình được thực hiện theo quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn quản lý tài chính của các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và các văn bản pháp luật khác về tài chính có liên quan.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[4]

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2015.

Thông tư này thay thế một số quy định liên quan tổ chức quản lý các Chương trình được quy định tại các Thông tư sau:

a) Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

b) Thông tư số 31/2012/TT-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao;

c) Thông tư số 03/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định, tuyển chọn, thẩm định và giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

d) Thông tư số 09/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

---

[4] Điều 4, Điều 5 của Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã ký hợp đồng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng các quy định có liên quan tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN, Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN và Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./."

đ) Thông tư số 10/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

e) Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và phê duyệt dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia;

g) Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Những nội dung quy định tại các Thông tư được nêu tại Khoản 1 Điều này không trái với Thông tư này vẫn còn hiệu lực.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 02/VBHN-BKHCN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Giang